

## DỊCH KINH TOẢN YẾU ĐẠI TOÀN VỚI VIỆC TIẾP NHẬN KINH ĐIỂN NHO HỌC TẠI VIỆT NAM THỜI TRUNG ĐẠI

HOÀNG NGỌC CƯƠNG\*

*Tóm tắt:* Dịch kinh toản yếu đại toàn là một trong 5 sách thuộc bộ Ngũ kinh toản yếu đại toàn, được Thám hoa Nguyễn Huy Oánh toản yếu trên cơ sở bộ Ngũ kinh đại toàn do nhóm Hồ Quảng thời Minh biên soạn. Nghiên cứu nội dung và mục đích toản yếu bộ Dịch kinh toản yếu đại toàn góp phần bổ sung và làm sáng tỏ việc tiếp nhận và luận giải kinh điển Nho học ở Việt Nam thời trung đại nói chung, cũng như việc tiếp nhận Dịch học ở Việt Nam nói riêng.

*Từ khoá:* Kinh Dịch, Dịch kinh toản yếu đại toàn, toản yếu, kinh điển Nho học, Nguyễn Huy Oánh

*Abstract:* Dịch kinh toản yếu đại toàn, translated as “The Essential Compilation of the Book of Changes,” is one of the five volumes in the Ngũ kinh toản yếu đại toàn (The Essential Compilation of the Five Classics), abridged and compiled by Nguyen Huy Oanh (third-rank laureate in the imperial examination system). His work was based on the Ngũ kinh đại toàn (The Complete Edition of the Five Classics) compiled by the Ho Quang group during the Ming dynasty. The study of the content and purpose of the Essential Compilation of the Book of Changes contributes to enriching and clarifying the reception and interpretation of Confucian classics in medieval Vietnam in general, as well as the reception of The Book of Changes (Yijing) studies in Vietnam in particular.

*Keywords:* Book of Changes, Essential Compilation of the Book of Changes, essential compilation, Confucian classics, Nguyen Huy Oanh

### 1. Mở đầu

Kinh Dịch 經易 là một bộ kinh điển lâu đời, kết tinh trí tuệ của tổ tiên dân tộc Trung Hoa. Nội dung Kinh Dịch rất phong phú, đề cập đến các lĩnh vực: triết học, khoa học tự nhiên, khoa học xã hội, văn hoá nghệ thuật, v.v... Nó có ảnh hưởng quan trọng tới sự phát sinh, phát triển văn hoá, triết học, khoa học kỹ thuật của Trung Quốc cổ đại. Có thể nói, đa số những thành tựu quan trọng về mặt tư

tưởng, văn hoá, khoa học kỹ thuật của Trung Quốc cổ đại, và khởi nguồn lý luận phát sinh, phát triển của Đạo gia, Nho gia, Pháp gia, Mặc gia, Âm Dương gia, thiên văn lịch pháp, Đông y, binh pháp, địa lý v.v... ở một mức độ nhất định đều có quan hệ mật thiết với Kinh Dịch<sup>1</sup>.

Việt Nam là nước tiếp nhận và chịu ảnh hưởng sâu sắc văn hóa chữ Hán. Từ

\* TS., Trường Đại học Khoa học xã hội & Nhân văn, Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh

rất sớm hệ thống kinh điển Nho học đã được du nhập và truyền dạy ở Việt Nam, đặc biệt khi các triều đại phong kiến ra sức đề cao và phát triển chế độ giáo dục khoa cử Nho học. Trong bối cảnh đó, nhiều thư tịch liên quan đến việc chú giải, biên tập, bình luận kinh điển Nho gia đã được truyền bá vào Việt Nam, trong đó có *Ngũ kinh đại toàn* 五經大全.

## 2. Nội dung

Chúng ta được biết bộ *Ngũ kinh toàn yếu đại toàn* được Nguyễn Huy Oánh (1713-1789) thực hiện trên cơ sở của bộ *Ngũ kinh đại toàn* được biên soạn vào niên hiệu Vĩnh Lạc triều Minh [1403-1424]. Dưới triều Minh, để phát huy nghĩa lí kinh điển Nho gia, với hướng cho ra đời các bộ sách được coi là “tài liệu chuẩn”, ứng dụng rộng rãi trong khoa cử Nho học. Minh Thành Tổ Chu Đệ 明成祖 朱棣 (1360-1424) hạ chiếu cho nhóm Hồ Quảng 胡廣 (1369- 1418) tập hợp các phần “truyện 傳”, “chú 註” của danh nho, tu soạn ba bộ sách lớn: 1/ *Ngũ kinh đại toàn* 五經大全, 2/ *Tứ thư đại toàn* 四書大全, 3/ *Tinh lí đại toàn* 性理大全, tổng cộng gồm 360 quyển. Ba bộ sách này được bắt đầu biên soạn từ tháng Mười một (Âm lịch) năm thứ 12 niên hiệu Vĩnh Lạc triều Minh Thành Tổ (năm 1414), hoàn thành vào tháng Chín năm thứ 13 niên hiệu Vĩnh Lạc (năm 1415). Minh Thành Tổ đã viết lời tựa cho sách và ban hành ra khắp thiên hạ vào tháng 3 năm Vĩnh Lạc thứ 15 (1417).

*Ngũ kinh đại toàn* gồm 154 quyển, bao gồm: 1/ *Chu Dịch truyện nghĩa đại toàn* 周易傳義大全 (gọi tắt là *Chu Dịch đại toàn* 周易大全) - 24 quyển, 2/ *Thư kinh đại toàn* 書經大全, hay *Thư truyện*

*đại toàn* 書傳大全 - 10 quyển, 3/ *Thi kinh đại toàn* 詩經大全 - 20 quyển, 4/ *Lễ kí đại toàn* 禮記大全 - 30 quyển, 5/ *Xuân thu đại toàn* 春秋大全 - 70 quyển.

Như trên đã giới thuyết, *Chu Dịch đại toàn* là một bộ hợp tuyển được biên soạn theo chiếu chỉ của triều đình nhà Minh, do Hồ Quảng phụng mệnh biên soạn. Tác phẩm này thu thập *Chu Dịch* cùng các chú giải, số giải, truyện ký, và bình luận liên quan, nhằm mục đích giải thích một cách toàn diện về địa vị kinh điển và giá trị học thuật của *Chu Dịch*.

Nội dung của *Chu Dịch đại toàn* chủ yếu bao gồm:

① Nguyên văn *Chu Dịch*: Thu thập toàn bộ nội dung của *Chu Dịch*, bao gồm các thiên như *Chu Dịch Chu Tử đồ thuyết* 周易朱子圖說, *Dịch ngũ tán* 易五贊, 64 quẻ, *Hệ từ truyện* 繫辭傳, *Thuyết quái truyện* 說卦傳.

② Chú sớ: Tập hợp các chú thích và sớ giải của các học giả qua các triều đại đối với *Chu Dịch*, như *Dịch truyện* 易傳 của Trình Di 程頤, *Chu Dịch bản nghĩa* 周易本義 của Chu Hi 朱熹, v.v...

③ Truyện ký: Thu thập các truyện ký về những nhân vật liên quan đến *Chu Dịch*, như sự tích của các bậc thánh hiền Nghiêu, Thuấn, Vũ, Thang, cùng các sự kiện lịch sử có liên quan.

④ Bình luận: Tập hợp các bình luận và giải thích của các học giả qua các triều đại về *Chu Dịch*, ví dụ như sự luận giải về *Dịch học* của Khổng An Quốc 孔安國, Dương Hùng 楊雄, Trịnh Khang Thành 鄭康成, Khổng Dĩnh Đạt 孔穎達, Lã Tổ Khiêm 呂祖謙, v.v...

⑤ Khác: Thu thập các tài liệu khác có liên quan đến *Chu Dịch*, như *Dịch kinh khảo dị* 易經考異.

Tóm lại, mục đích biên soạn *Chu Dịch đại toàn* là để tập hợp và chỉnh lý các tài liệu liên quan đến *Chu Dịch*, tạo điều kiện thuận lợi cho các học giả nghiên cứu và học tập. Đồng thời, tác phẩm này cũng phản ánh sự coi trọng của triều đình nhà Minh đối với các kinh điển Nho gia. *Chu Dịch đại toàn* là một bộ hợp tuyển

kinh điển Nho gia quan trọng, có giá trị tham khảo lớn đối với việc nghiên cứu *Chu Dịch* và tư tưởng Nho gia.

**2.1. Tình hình văn bản bộ *Dịch kinh toản yếu đại toàn***

Bộ ván gỗ văn bản *Dịch kinh toản yếu đại toàn* 易經纂要大全 hiện lưu tại dòng họ Nguyễn Huy, xã Kim Song Trường, huyện Can Lộc (nay là xã Trường Lưu<sup>2</sup>), tỉnh Hà Tĩnh. Theo số trang trên ván in, sách này gồm 79 tờ, được đánh số liên tục từ 01 đến hết.



Mộc bản bộ *Hy kinh đại toàn* 義經大全  
(tức *Dịch kinh toản yếu đại toàn* 易經纂要大全)

Trong mỗi ván in, phân giữa ván in đều khắc bốn chữ “Thạc Đình chính bản 碩亭正本”. Ở tờ thứ 09 còn khắc thêm 11 chữ: “Thạc Đình Nguyễn Huy Oánh thư vu Sơn Nam nhiệm sở 碩亭阮輝瑩書于山南任所”, nghĩa là: “Thạc Đình Nguyễn Huy Oánh viết ở nhiệm sở tại Sơn Nam”. Một số đề mục ở phần đầu ghi: *Dịch kinh tự thuyết* 易經序說, *Dịch thuyết cương*

*lĩnh* 易說綱領 - tờ 01, *Dịch kinh cương lĩnh* 易經綱領 - tờ 03. Nhưng kể từ tờ thứ 04 đến hết tờ 76 lại ghi tên sách là *Hy kinh đại toàn* 義經大全, hai tờ kế tiếp là tờ 77 và tờ 78 ghi là *Dịch kinh đại toàn* 易經大全, và ở câu cuối cùng ở tờ 79 ghi: “*Dịch kinh toản yếu đại toàn quyển chung* 易經纂要大全卷終” (Hết quyển *Dịch kinh toản yếu đại toàn*).

Tương truyền, Phục Hy là người đầu tiên vạch ra bát quái nên *Kinh Dịch* còn được gọi là *Hy kinh* (Kinh Phục Hy). Do đó, *Hy kinh đại toàn* là cách gọi khác của *Dịch kinh đại toàn* hay *Chu Dịch đại toàn* 周易大全, còn *Chu Dịch đại toàn* lại là cách gọi tắt của *Chu Dịch truyện nghĩa đại toàn* 周易傳義大全. Nói cách khác, *Dịch kinh đại toàn*, *Chu Dịch đại toàn*, *Hy kinh đại toàn*, *Chu Dịch truyện nghĩa đại toàn*, tên gọi tuy khác nhau song thực chất chỉ là một sách duy nhất gồm 24 quyển, do nhóm Hồ Quảng thời Minh vâng sắc biên soạn.

Tất cả các bộ ván in đã đề cập đều là các tác phẩm được thực hiện trên cơ sở toàn yếu, toát yếu theo *Ngũ kinh đại toàn*, vậy mức độ toàn yếu ra sao? Khảo sát tình hình văn bản cụ thể có thể giúp làm sáng tỏ vấn đề đó<sup>3</sup>.

## 2.2. *Bố cục và dung lượng bộ Dịch kinh toàn yếu đại toàn*

Bản khắc gỗ đánh số tờ từ tờ 01 - tờ 79, mở đầu bằng các lời tựa *Dịch kinh* (3 tờ), tiếp theo từ tờ 04 - tờ 06 là phần *Chu Tử đồ thuyết*, tờ số 7 là phần *Bát quái phương vị*, tờ số 8 - tờ 9a là phần *Chu Dịch ngũ tán*. Từ tờ 9b - 46a là phần *Thượng kinh*. Từ tờ 46b - tờ 79 là phần *Hạ kinh*, nội dung phần này gồm các phần: 34 quẻ, từ quẻ Trạch Sơn Hàm đến quẻ Thủy Hoả Vị Tế, và các phần *Hệ từ truyện*, *Thuyết quái truyện*, *Tự quái truyện*, *Tạp quái truyện* và *Dịch kinh khảo dị*. Cuối tờ 79 kết thúc bằng dòng chữ “*Dịch kinh toàn yếu đại toàn* quyển chung 易經纂要大全卷終” (Kết thúc sách *Dịch kinh toàn yếu đại toàn*).

Đối chiếu bố cục bản *Dịch kinh toàn yếu đại toàn* với bản *Chu Dịch truyện nghĩa đại toàn* 周易傳義大全, bản ảnh án Văn Uyên các *Tứ khối toàn thư*<sup>4</sup>. Có thể thấy bản *Dịch kinh toàn yếu đại toàn* không tiếp thu toàn bộ các phần của bản *Chu Dịch đại toàn*, không tính các phần do nho thần triều Thanh viết (phần *Đề yếu* 提要 - 02 tờ, và *Chu Dịch truyện nghĩa đại toàn phạm lệ* 周易傳義大全凡例 - 07 tờ), bản *Toán yếu* đã bỏ đi *Phệ nghi* (筮儀 - 06 tờ); nhưng bên cạnh đó lại có thêm 02 phần, gồm: 1/ *Dịch thuyết cương lĩnh* 易說綱領 - 05 tờ, 2/ *Dịch kinh khảo dị* 易經考異 - 2,5 tờ. Như vậy, chỉ xét riêng về mặt bố cục, bản *Toán yếu* và bản *Chu Dịch đại toàn* có những điểm khác biệt nhất định, tuy nhiên dung lượng các phần bị bỏ và thêm vào đều không lớn.

Xét về dung lượng, bản *Dịch kinh toàn yếu đại toàn* trọn bộ chỉ có 79 tờ, trong khi đó bản *Chu Dịch truyện nghĩa đại toàn* có khoảng 1.411 tờ (mỗi tờ số chữ trung bình gần như bằng nhau). Như vậy, bản *Dịch kinh toàn yếu đại toàn* tương đương với khoảng 6% dung lượng của *Chu Dịch truyện nghĩa đại toàn*. Theo đó, dung lượng của bộ *Toán yếu* chỉ bằng khoảng 6% của bộ *Chu Dịch đại toàn*. Cụ thể như phần *Chu Dịch Chu Tử đồ thuyết* 周易朱子圖說 ở bản *Chu Dịch toàn yếu đại toàn* chỉ có độ dài văn bản là 02 tờ, trong khi đó phần này ở *Chu Dịch truyện nghĩa đại toàn* là 63 tờ, quẻ Càn (乾) ở bản *Toán yếu* là 03 tờ thì ở bản *Chu Dịch truyện nghĩa đại toàn* là 67 tờ, quẻ Khôn (坤) ở *Chu Dịch toàn yếu đại toàn* là 1,5 tờ thì ở bản *Chu Dịch truyện nghĩa đại toàn* là 31 tờ. Tổng thể 64 quẻ trong bản *Chu Dịch toàn yếu đại toàn* gồm

57 tờ trong khi đó ở bản *Chu Dịch truyện nghĩa đại toàn* là khoảng 1.050 tờ, chiếm tỉ lệ khoảng 5,4% nguyên tác.

So sánh nội dung các phần mục ở đầu sách, một số phần Nguyễn Huy Oánh không chỉ lược bỏ mà còn viết lại hoặc theo ý mình, hoặc dẫn theo ý kiến của các danh nho Trung Quốc. Tiêu biểu cho hiện tượng này như trường hợp lời tựa *Dịch kinh đại toàn tự* 易經大全序, Nguyễn

Huy Oánh tiếp thu nguyên văn một đoạn ở đầu phần *Dịch kinh tự* 易經序 của bản *Chu Dịch truyện nghĩa đại toàn*, nhưng phần sau lại hoàn toàn khác với câu chữ của *Dịch kinh tự*.

Đối với 64 quẻ của *Kinh Dịch*, bản *Toán yếu tiếp thu toàn bộ phần Thoán từ* và *Hào từ*, phần truyện nghĩa được lược bớt, tinh giản.

Bảng tổng hợp bố cục hai sách và dung lượng các phần như sau:

<b>KINH DỊCH</b>			
<i>Dịch kinh toán yếu đại toàn</i> 易經纂要大全		<i>Chu Dịch truyện nghĩa đại toàn</i> 周易傳義大全	
Phần	Độ dài văn bản	Phần	Độ dài văn bản
<b>Không có phần này</b>		提要 Đề yếu	02 tờ
易經大全序 <i>Dịch kinh đại toàn tự</i>	> 1/2 tờ	易經序 <i>Dịch kinh tự</i>	1,5 tờ
<b>Không có phần này</b>		周易傳義大全凡例 <i>Chu Dịch truyện nghĩa đại toàn phạm lệ</i>	07 tờ
易經序說 <i>Dịch kinh tự thuyết</i>	> 1/2 tờ	周易程子傳序 <i>Chu Dịch Trình Tử truyện tự</i>	< 05 tờ
易說綱領 <i>Dịch thuyết cương lĩnh</i>	05 tờ	<b>Đại toàn không có phần này</b>	
上下篇義 <i>Thượng hạ thiên nghĩa</i>	1/6 tờ	上下篇義 <i>Thượng hạ thiên nghĩa</i>	< 5 tờ
朱子圖說 <i>Chu Tử đồ thuyết</i>	02 tờ	周易朱子圖說 <i>Chu Dịch Chu Tử đồ thuyết</i>	63 tờ
易五贊 <i>Dịch ngũ tán</i>	1,5 tờ	易五贊 (1/ 原象, 2/ 述旨, 3/ 明筮, 4/ 稽類, 5/ 警學) <i>Dịch ngũ tán (1/Nguyên tượng, 2/Thuật chỉ, 3/Minh phê, 4/Kê loại, 5/ Cảnh học).</i>	09 tờ
<b>Không có phần này</b>		筮儀 <i>Phê nghi</i>	06 tờ
易經綱領 <i>Dịch kinh cương lĩnh</i>	01 tờ	周易綱領 <i>Chu Dịch cương lĩnh</i>	22 tờ
上經 <i>Thượng kinh</i>	1/12 tờ	周易上經 <i>Chu Dịch thượng kinh</i>	2,5 tờ
八純乾 <i>Bát thuần Càn</i>	03 tờ	Quẻ Càn: Không ghi tên quẻ, chỉ vẽ quẻ rồi ghi: “Càn hạ, Càn thượng)	67 tờ
八純坤 <i>Bát thuần Khôn</i>	1,5 tờ	Quẻ Khôn: Không ghi tên quẻ, chỉ ghi: “Khôn hạ, Khôn thượng”.	31 tờ

☐ ☐ ☐ 屯 [[ ]] Truân	1,2 tờ	Quẻ Truân: Không ghi tên quẻ, chỉ ghi: “Chấn hạ, Khảm thượng”.	16 tờ
山水蒙 Sơn thủy Mông	1,2 tờ	Quẻ Mông: Không ghi tên quẻ, chỉ ghi: “Khảm hạ, Cấn thượng”	15 tờ
水天需 Thủy thiên Nhu	1/4 tờ	Quẻ Nhu: không ghi tên quẻ, chỉ ghi: “Càn hạ, Khảm thượng”.	12 tờ
.....		.....	
.....		.....	
繫辭傳 Hệ từ truyện	6,5 tờ	繫辭上傳 Hệ từ truyện thượng	107 tờ
		繫辭下傳 Hệ từ truyện hạ	61 tờ
說卦傳 Thuyết quái truyện	1/8 tờ	說卦傳 Thuyết quái truyện	45 tờ
序卦傳 Tự quái truyện	1/6 tờ	序卦傳 Tự quái truyện	14 tờ
雜卦傳 Tạp quái truyện		雜卦傳 Tạp quái truyện	10 tờ
易經考異 Dịch kinh khảo dị	2,5 tờ	<b>Không có phần này</b>	
Toàn sách 79 tờ		Toàn sách khoảng 1.411 tờ	

Như vậy, về cơ bản, *Chu Dịch toàn yếu đại toàn* vẫn đảm bảo được bố cục các phần, riêng phần chính văn, tức là phần trình bày về 64 quẻ của *Kinh Dịch*, bản *Chu Dịch toàn yếu đại toàn* tiếp thu đầy đủ phần chính kinh, bên cạnh đó còn tiếp thu thêm một số ý kiến thông diễn, giải thích của lịch đại danh nho.

Có thể thấy, hầu hết các bản *toản yếu* (trong bộ *Ngũ kinh toàn yếu*) đều đã lược bỏ một số đề mục ở phần đầu sách, ngay phần nội dung chính cũng trình bày thu gọn lại rất nhiều so với bản gốc. Chẳng hạn bản gốc *Lễ kí đại toàn* gồm 30 quyển, khoảng 1.560 tờ, trong khi đó *Lễ kinh toàn yếu đại toàn* chỉ có 100 tờ, xấp xỉ 6,5% bản gốc.

So với bản gốc, dung lượng *Dịch kinh toàn yếu đại toàn* chỉ xấp xỉ 6% bản gốc, của *Xuân thu toàn yếu đại toàn* là xấp xỉ

5,7%, của *Lễ kinh toàn yếu đại toàn* là xấp xỉ 6,5%, tất cả đều chưa đến 10% nguyên tác. Theo đó, có thể thấy so với *Ngũ kinh đại toàn*, *Ngũ kinh toàn yếu đại toàn* do Nguyễn Huy Oánh thực hiện chỉ là một bản tối giản.

### 2.3. Hệ thống tiên Nho lịch đại được trích dẫn trong *Dịch kinh toàn yếu đại toàn*

Theo nội dung phần “phạm lệ” trong *Ngũ kinh toàn yếu đại toàn*, Nguyễn Huy Oánh cho biết ông đã “tham khảo các bản riêng của các bậc danh gia” để hoàn thành bộ sách *Ngũ kinh toàn yếu đại toàn* (trong đó có *Dịch kinh toàn yếu đại toàn*), gồm tất cả 10 nguồn khác nhau: ① Thám hoa họ Vũ ở Báo Thiên [tức Vũ Thạnh 武晟, năm Ất Sửu (1685) đời Lê Hy Tông, ông đỗ Đình nguyên Thám hoa lúc mới ngoài 20 tuổi]; ② Hoàng giáp họ Nguyễn ở Bình

Lao [tức Nguyễn Trác Luân, đỗ Tiến sĩ năm 1721]; ③ Thám hoa họ Đỗ ở Thử Cốc [tức Đỗ Huy Kỳ, đỗ Tiến sĩ năm 1731]; ④ Đông các họ Vũ ở Đôn Thư [tức Vũ Công Trán, đỗ Tiến sĩ năm 1724]; ⑤ Bảng nhãn họ Hà ở Kim Vực [tức Hà Tông Huân, đỗ Tiến sĩ năm 1724]; ⑥ Hội khôi họ Nguyễn ở Thổ Hào [Nguyễn Lâm Thái, đỗ Tiến sĩ năm 1739]; ⑦ Hoàng giáp họ Trần ở Từ Ô [tức Trần Văn Trứ, đỗ Tiến sĩ năm 1733]; ⑧ Lương nguyên họ Phan ở Thu Hoạch [tức Phan Huy Cận, đỗ Tiến sĩ năm 1754]; ⑨ [Tiến] sĩ họ Phạm ở Đông Bình [tức Phạm Huy Cơ, đỗ Tiến sĩ năm 1757]; ⑩ Gia phụ là Nguyễn Huy Tụ.

Thế nhưng, khi tiến hành khảo sát, dịch chú bộ *Dịch kinh toản yếu đại toản* (và bao gồm cả bộ *Ba kinh toản yếu đại toản*, và *Thư kinh toản yếu đại toản*<sup>5</sup>), chúng tôi nhận thấy rằng, hầu hết những ý kiến, luận giải, bình luận được trích dẫn trong bộ *Dịch kinh toản yếu* gần như tuyệt đối đều được toản yếu, rút gọn, tóm lược từ những luận giải của lịch đại tiên Nho Trung Quốc. Khảo sát chi tiết, chúng tôi đã thống kê được 63 nhân vật như sau: 1/ Khổng Thị 孔氏, tức Khổng An Quốc 安國, tự Tử Quốc 子國; 2/ Dương thị 楊氏, tức Dương Hùng 雄, tự Tử Vân 子云; 3/ Lưu thị 劉氏, tức Lưu Hâm 歆, tự Tử Tuấn 子駿; 4/ Trịnh thị 鄭氏, tức Trịnh Khang Thành 康成; 5/ Vương thị 王氏, tức Vương Bật 弼, tự Phụ Tụ 輔嗣; 6/ Hàn thị 韓氏, tức Hàn Bá 伯, tự Khang Bá 康伯; 7/ Đông thị 董氏, tức Đông Ngộ 遇, tự Quý Trục 季直; 8/ Ngu thị 虞氏, tức Ngu Phiên 翻, tự Trọng Tường 仲翔; 9/ Khổng thị 孔氏, tức Khổng Dĩnh Đạt 穎達, tự Trọng Đạt 仲達; 10/ Lưu thị 劉氏, tức

Lưu Hoàn 瓛; 11/ Trần thị 陳氏, tức Trần Cao 皋; 12/ Hồ thị 胡氏, tức Hồ Đán 旦; 13/ Yên Định Hồ thị 安定胡氏, tức Hồ Viên 瑗, tự Dực Chi 翼之; 14/ Tô Lai Thạch thị 徂徠石氏, tức Thạch Giới 介, tự Thủ Đạo 守道; 15/ Lưu Lăng Âu Dương thị 廬陵歐陽氏, tức Âu (Dương) Tu 脩, tự Vĩnh Thúc 永叔; 16/ Tiền thị 錢氏, tức Tiền Tảo 藻; 17/ Lưu thị 劉氏, tức Lưu Di 彝, tự Chấp Trung 執中; 18/ Lâm Xuyên Vương thị 臨川王氏, tức Vương An Thạch 安石, tự Giới Phủ 介甫; 19/ Quảng Lăng Vương thị 廣陵王氏, tức Vương Phùng 逢; 20/ Thiệu Tử 邵子, tức Thiệu Ung 雍, tự Nghiêu Phu 堯夫; 21/ Trương Tử 張子, tức Trương Tải 載, tự Tử Hậu 子厚; 22/ Túc Thủy Tư Mã thị 涑水司馬氏, tức Tư Mã Quang 光, tự Quân Thực 君實; 23/ Tung Sơn Triều thị 嵩山晁氏, tức Triều Duyệt Chi 說之, tự Dĩ Đạo 以道; 24/ Quy Sơn Dương thị 龜山楊氏, tức Dương Thì 時, tự Trung Lập 中立; 25/ Kiêm Sơn Quách thị 兼山郭氏, tức Quách Trung Hiếu 忠孝, tự Lập Chi 立之; 26/ Trương thị 張氏, tức Trương Nhữ Minh 汝明, tự Thuán Văn 舜文; 27/ Lý thị 李氏, tức Lý Nguyên Lượng 元量; 28/ Hán Thượng Chu thị 漢上朱氏, tức Chu Chân 震, tự Tử Phát 子發; 29/ Bạch Vân Quách thị 白云郭氏, tức Quách Ung 雍, tự Tử Hoà 子和; 30/ Trịnh thị 鄭氏, tức Trịnh Chính Phu 正夫; 31/ Đông Cốc Trịnh thị 東谷鄭氏, tức Trịnh Nhữ Hải 汝諧, tự Thuán Cử 舜舉; 32/ Lan thị 蘭氏, tức Lan Đình Thụy 廷瑞, tự Huệ Khanh 惠卿; 33/ Sa Tuỳ Trình thị 沙隨程氏, tức Trình Quýnh 迥, tự Khả Cửu 可久; 34/ Phủ Điền Trịnh thị 莆田鄭氏, tức Trịnh Hậu 厚; 35/ Long Sơn Lý thị 隆山李氏, tức Lý Thuán

Thần舜臣, tự Tử Tư 子思; 36/ Tân Vân Phùng thị 縉云馮氏, tức Phùng Dương Khả 當可, tự Thi Hành 時行; 37/ Đòng Khê Vương thị 童溪王氏, tức Vương Tông Truyền 宗傳, tự Cảnh Mạnh 景孟; 38/ Thành Trai Dương thị 誠齋楊氏, tức Dương Vạn Lý 萬里, tự Đình Tú 廷秀; 39/ Song Khê Vương thị 雙溪王氏, tức Vương Viêm 炎, tự Hối Thúc 晦叔; 40/ Nam Hiên Trương thị 南軒張氏, tức Trương Thúc 栻, tự Kính Phu 敬夫; 41/ Đông Lai Lã thị 東萊呂氏, tức Lã Tổ Khiêm 呂祖謙, tự Bá Cung 伯恭; 42/ Lâm thị 林氏, tức Lâm Lật 栗, tự Hoàng Trung 黃中; 43/ Tây Sơn Sái thị 西山蔡氏, tức Sái Nguyên Định 元定, tự Quý Thông 季通; 44/ Tiềm Thất Trần thị 潛室陳氏, tức Trần Thực 陳埴, tự Khí Chi 器之; 45/ Mai Nham Viên thị 梅岩袁氏, tức Viên Xu 樞, tự Cơ Trọng 機仲; 46/ Tiết Trai Sái thị 節齋蔡氏, tức Sái Uyên 淵, tự Bá Tĩnh 伯靜; 47/ Tây Khê Lý thị 西溪李氏, tức Lý Quá 過, tự Quý Biện 季辨; 48/ Hậu Trai Phùng thị 厚齋馮氏, tức Phùng Ý 椅, tự Kỳ Chi 奇之; 49/ Lô Xuyên Mao thị 瀘川毛氏, tức Mao Phác 璞, tự Bá Ngọc 伯玉; 50/ Tiến Trai Từ thị 進齋徐氏, tức Từ Phòng 防, tự Tử Dữ 子與; 51/ Tây Sơn Chân thị 西山真氏, tức Chân Đức Tú 德秀, tự Cảnh Nguyên 景元; 52/ Bình Am Hạng thị 平庵項氏, tức Bình An Thế 安世, tự Bình Phủ 平甫; 53/ Sài thị 柴氏, tức Sài Trung Hành 中行, tự Dữ Chi 與之; 54/ Dương thị 楊氏, tức Dương Văn Hoán 文煥, tự Bàn Phu 彬夫; 55/ Kiến An Khâu thị 建安丘氏, tức Khâu Phú Quốc 富國, tự Hạnh Khả 行可; 56/ Giao Phong Phương thị 蛟峰方氏, tức Phương Phùng Thìn 逢辰; 57/ Điệp Sơn Tạ thị 疊山謝氏,

tức Tạ Phương Đắc 枋得, tự Quân Trực 君直; 58/ Tân An Hồ thị 新安胡氏, tức Hồ Thứ Diễm 次焱, tự Tế Đình 濟鼎; 59/ Tiềm Trai Hồ thị 潛齋胡氏, tức Hồ Doãn 允; 60/ Trình thị 程氏, tức Trình Cự Phu 鉅夫; 61/ Song Hồ Hồ thị 雙湖胡氏, tức Hồ Đình Phương 庭芳, tự Nhất Quế 一桂; 62/ Trung Khê trương thị 中溪張氏, tức Trương Thanh Tử 清子, tự Hy Hiến 希獻; 63/ Vân Phong Hồ thị 雲峰胡氏, tức Hồ Bính Văn 炳文, tự Trọng Hồ 仲虎; 64/ Lâm Xuyên Ngô thị 臨川吳氏, tức Ngô Trùng 吳澄, hiệu Ấu Thanh 幼清.

Xem danh sách những bậc tiên Nho được nêu ra trên đây, hoàn toàn không có ai thuộc 10 người là các nhà Nho Việt Nam như Nguyễn Huy Oánh đã nêu trong phạm lệt. Xem thế thì biết, phần truyện, chú, luận giải, Nguyễn Huy Oánh hoàn toàn chỉ toàn yếu những ý kiến của lịch đại tiên Nho Trung Quốc (từ đời nhà Hán đến nhà Minh) mà thôi, trong đó có một số nhân vật rất quen thuộc với giới nghiên cứu Nho học Việt Nam từ xưa đến nay, như Chu Hi, Khổng Dĩnh Đạt, Trịnh Huyền, Âu Dương Tu, Trình Tử, Vương Ứng Lân. Ngay cả phần *Dịch Kinh khảo dị* 易經考異 ở cuối sách cũng được rút gọn từ sách *Khốn học kỷ vấn* 困學紀聞 do Vương Ứng Lân 王應麟 soạn, gồm 20 quyển.

#### 2.4. Mục đích toàn yếu bộ *Dịch kinh toàn yếu đại toàn*

Cần phải đặc biệt nhấn mạnh rằng, *Dịch kinh toàn yếu đại toàn* cũng như các sách kinh điển Nho giáo (*Tứ thư*, *Ngũ kinh*, *Tính lý*) được Nguyễn Huy Oánh thực hiện với xuất phát điểm ban đầu là nhằm sử dụng trong giáo dục tư gia (tr

học) thế kỷ XVIII. Điều này đã được chính Nguyễn Huy Oánh khẳng định trong bài *Ngũ kinh toản yếu đại toàn tự* 五經纂要大全序 (Lời tựa sách *Ngũ kinh toản yếu đại toàn*):

“Nước Việt ta vào khoảng niên hiệu Vĩnh Khánh (1729-1732), vẫn lấy nguyên bản (*Ngũ kinh đại toàn*) để khắc in và ban bố cho thiên hạ. Thế nhưng, số quyển quá nhiều và đồ sộ, có rộng mà không có cô đọng, khiến cho những người chuyên tâm nghiên cứu để tìm cầu nghĩa lý cũng cảm thấy có thừa chớ, còn những người theo đuổi công danh đọc nó để ứng thí thì lại quá mênh mông. Thuở nhỏ, tôi theo thầy học, thường tóm tắt những điểm cốt yếu, lược bỏ những điều rườm rà, chuyên làm ra một lối tắt để theo kịp thời đại, để đợi người khác hỏi, rồi chỉnh sửa, hiệu đính suốt mười năm thì hoàn thành. Mặc dù chỉ là nhìn qua ống tre, đong bằng gáo nhỏ, dường như không đủ để thấu triệt hết sự tinh vi của nghĩa lý, thế nhưng, đối với con em và học trò, những người thâm học theo để tiến thân thì rất nhiều, sự bổ ích đối với người học ở trình độ thấp quả thực không phải là nhỏ<sup>6</sup>”.

Về mục đích thực hiện việc toản yếu bộ *Dịch kinh* nói riêng và toàn bộ *Tứ thư*, *Ngũ kinh* nói chung, chúng ta cần phải đặt trong bối cảnh tư học Việt Nam thế kỷ XVIII, bởi vì “kinh điển và người giải thích kinh điển đều là sản phẩm của một điều kiện không gian, thời gian đặc định, đều mang ‘tính lịch sử’<sup>7</sup>”. Bối cảnh lịch sử xã hội Việt Nam thế kỷ XVIII là sự sa sút của giáo dục khoa cử nhà nước và sự suy giảm vai trò của Quốc Tử giám. Giám sinh trường Quốc Tử Giám chỉ còn là hư danh:

“Từ thời Trung hưng trở về sau thì Quốc Tử Giám chỉ còn cái tên mà thôi. Vùng đất xung quanh trường Giám đều trở thành phố phường. Các Giám sinh không còn ở nội trú để học nữa. Ngày rằm mồng một hàng tháng, quan coi trường Giám ra bài tập kẻ nào làm được thì tên tuổi lừng lẫy kinh áp. Những công sĩ thuộc loại háo danh thường lợi dụng chuyện này để tiến thân. Khi thì họ thuê người làm bài thay, khi thì họ ngầm nịnh bợ người giữ sổ thi ở trường Giám, hẹn cứ cho trúng cử mười lần thì nộp một ngàn quan tiền. Hoặc đến ngày Tết Đoan dương, họ đem cá khô đậu xanh làm đồ lễ biếu, y như lễ của họ trò đối với thầy học vậy<sup>8</sup>”.

Sự suy đồi của khoa cử giáo dục Nho gia thế kỷ XVIII khiến cho đội ngũ quan lại (những người đỗ trong các kỳ thi) không đạt được những tiêu chí về phẩm hạnh và tài năng. “Những người trúng tuyển đại loại là kẻ không có thực tài<sup>9</sup>”. “Sau thời Trung hưng, văn phong trở nên yếu kém... Những kẻ ra làm quan để ứng thế phần nhiều là những người hẹp hòi và kém cỏi. Đến khi giữ vị trí quan trọng, nắm giữ việc công, họ thường dùng ý kiến riêng của mình, chỉ chăm chăm muốn vượt qua người trước. Khi giảng dạy và thi cử cho học trò, họ ít quan tâm đến đại ý của kinh truyện và nguồn gốc sự thịnh suy, được mất từ xưa đến nay, mà chỉ chuyên đi sâu vào bàn luận những bài chú giải của các nhà Nho đời sau, cùng với những câu hỏi hiểm hóc, những câu văn lạ lùng trong sách sử để thể hiện sự giỏi giang. Lúc bấy giờ, những kẻ theo đuổi công danh chỉ biết chạy theo ý muốn của người trên, nhạt nhẽo những câu chữ cũ rích của các nhà

nho đi trước, học theo lối văn chương vụn vặt, hoa hòe của đời sau<sup>10</sup>”.

Trước sự thúc giục yêu cầu đổi mới khoa cử, chấn hưng văn thể, đổi mới Nho phong sĩ khí<sup>11</sup>, nhà nước bắt buộc phải có những động thái thiết lập lại trật tự của giáo dục, bắt đầu từ trật tự của kinh điển. Năm 1731, chúa Trịnh Giang cho hiệu duyệt *Ngũ kinh (đại toàn) Bắc bản*, và cho khắc ván *Ngũ kinh đại toàn*<sup>12</sup>. Năm 1732, chúa Trịnh Giang cho chấn chỉnh lại khoa cử giáo dục, đề xướng tôn sùng kinh học, cấm sách chư tử:

“Quan lại trong phủ bàn luận rằng: Nguồn gốc của văn chương là từ sách vở của thánh hiền. Gần đây, cái học thuộc lòng khiến người đọc kinh sách chỉ su tư tầm tiểu chú mà bỏ sót chính văn. Người đọc sử thì lại chỉ sơ lược các phần ngoại biên mà bỏ qua *Cương mục*. Học thuật nông cạn, qua quýt, cần phải chấn chỉnh để thay đổi thói quen của kẻ sĩ. Do đó, đã nghiêm cấm các học sinh phải thành thực chính văn, còn như các sách tập chú, tiểu chú thì chỉ chọn những phần tinh túy để đọc. Đến các sách như *Tả Thị*, *Thông giám*, *Cương mục* thì cần phải đọc thật kỹ, để người học biết được phương hướng. Thế nhưng, thói quen đã quá lâu rồi, rất cuộc cũng không thể thay đổi được<sup>13</sup>”.

Về sự kiện này *Đại Việt sử ký tục biên* 大越史記續編 nhấn mạnh thêm: “Bởi thế việc học của Nho gia mới bắt đầu có chỗ thống nhất”. Năm 1734 ván khắc *Ngũ kinh đại toàn* hoàn thành, nhà nước cho in sách ban bố trong nước, đồng thời cũng cho san khắc in ấn các bản *Tứ*

*thư*, *Chư sử*, *Thi lâm* và *Tự vị* ban hành trong nước. Năm 1736, “ấn bản của các sách kinh, sử đã được ban hành, vua lệnh cho các học giả trao nhận lẫn nhau mà đọc, cấm mua Bắc thư”.

Cuối thế kỷ XVIII, *Phúc Giang thư viện* 福江書院 của dòng họ Nguyễn Huy tại Trường Lưu là một đại diện tiêu biểu cho sức mạnh của tầng thư gia tộc thế kỷ XVIII. Thư viện vừa là nơi tàng trữ “hàng vạn cuốn sách”, vừa là trường học cho con em trong gia tộc và trong làng: “Nguyễn Huy Oánh người xã Lai Thạch, huyện La Sơn, đậu Thám hoa khoa Mậu Thìn đời Cảnh Hưng, vâng mệnh đi sứ, làm đến Tả Thị lang Bộ Lại. Lúc trí sĩ, từng dựng thư viện chứa mấy vạn quyển sách, trước sau dạy học trò mấy nghìn người, nhiều người thành đạt<sup>14</sup>”. Với quy mô hoạt động vừa là nơi giảng dạy vừa là nơi chứa sách kinh điển, *Phúc Giang thư viện* có thể được xem như là một Quốc Tử Giám địa phương, vượt xa khỏi phạm vi gia tộc. *Phúc Giang Thư viện* và *Toán yếu* có thể được xem là thành tựu từ “du học” kinh đô của Nguyễn Huy Oánh và cũng là thành quả từ liên hôn sĩ tộc giữa dòng họ Nguyễn Huy ở Trường Lưu, họ Nguyễn ở Tiên Điền và họ Phan ở Lai Thạch. Những liên minh sĩ tộc này không chỉ tạo nên những ảnh hưởng về mặt chính trị mà họ còn là “thế lực văn hoá” có ảnh hưởng to lớn đến giáo dục khoa cử đương thời. Và như vậy, việc thực hiện toàn yếu *Dịch kinh đại toàn*, cũng như bộ *Ngũ kinh đại toàn* của Nguyễn Huy Oánh là nhằm phục vụ cho mục đích giáo dục tư học (giảng dạy và thi cử) mà thôi.

### 2.5. Dịch kinh toản yếu đại toàn trong hoạt động tiếp nhận kinh điển Nho gia Việt Nam thời trung đại

*Chu Dịch đại toàn* tiếp thu tư tưởng học thuật của các danh Nho thời Tống: sách *Dịch truyện* 易傳 của Trình Di 程頤 (1033-1107) và *Chu Dịch bản nghĩa* 周易本義 của Chu Hi 朱熹 (1130-1200). Dễ nhận thấy, *Ngũ kinh đại toàn* lấy căn bản là truyện, chú của Trình - Chu, tham khảo thêm cách diễn giải của các danh Nho khác, song đa phần là các nhà Nho thời Tống - Nguyên. Nói cách khác, trên tổng thể, tư tưởng chủ đạo của *Ngũ kinh đại toàn* không vượt ra ngoài phạm vi của Lí học thời Tống.

Xét chung các bản toản yếu, thấy đều tiếp thu đầy đủ phần chính kinh, tức là phần nội dung kinh văn mà lược bớt các phần tựa, cương lĩnh, chú thích. Theo đó, bản toản yếu vẫn đảm bảo nội dung kinh điển, có thêm một số chú giải để giúp người đọc hiểu rõ thêm nội dung chính kinh. Thao tác này khiến các bản toản yếu gọn gàng, dễ tham khảo, tiếp thu, thuận tiện cho việc sao chép, in ấn.

Chúng ta biết rằng, sự truyền bá, tiếp nhận và thảo luận về kinh điển Nho gia ở Việt Nam thời trung đại gắn rất chặt với giáo dục và khoa cử, ít có và rất hiếm có việc thảo luận không gắn với khoa cử. Thảo luận và chú giải kinh điển Nho gia ở Việt Nam hầu như không gắn với việc đấu tranh học phái. Thảo luận kinh điển Nho gia chủ yếu nhắm tới phương diện nghĩa lí, phương diện chính trị nhiều hơn là các vấn đề văn bản. Thảo luận phục vụ chính trị hoặc khoa cử nhiều hơn phương diện học thuật, ít có thảo luận kinh điển

nhằm thoả mãn nhu cầu học thuật và nhu cầu tu dưỡng cá nhân<sup>15</sup>. Không phải ngẫu nhiên mà các học giả Trung Quốc đã nhận định rằng “từ Chu Văn An đến Trương Hán Siêu, Nguyễn Đức Đạt, các nhà Nho Việt Nam đã đào tạo được nhiều học trò, biên soạn nhiều tác phẩm chú giải *Tứ thư*, *Ngũ kinh*, nhưng họ chỉ dừng lại trong phạm vi chú giải, dựa theo và vận dụng Hán Nho và Tống Nho, rất ít có sự phê phán và phản đối<sup>16</sup>”.

Dẫu thế, khảo sát chi tiết nội dung toản yếu trong bộ *Dịch kinh* (và bao gồm cả các bộ *Thi kinh*, *Thư kinh*), chúng tôi thấy rằng Nguyễn Huy Oánh không đơn thuần chỉ làm công việc biên tập, rút tĩa cho ngắn gọn những ý kiến luận giải của chư Nho Trung Quốc. Ông đã có sự chọn lọc những gì là tinh túy, cốt lõi những ý kiến luận giải nói trên, để hiệu chỉnh biên tập, “toản yếu” lại, mà nếu như không đối chiếu, so sánh với nguyên thư bộ *Dịch kinh đại toàn*, chúng ta dễ dàng lầm tưởng đó là những ý kiến luận bàn của riêng ông hoặc của các nhà Nho Việt Nam. Đúng như ý kiến nhận xét xác đáng của Quách Thu Hiền về công việc toản yếu kinh điển Nho gia của Nguyễn Huy Oánh:

“Có thể khẳng định “*bác độ* nhưng  *tinh thuần*” là tư duy lựa chọn của Nguyễn Huy Oánh trong việc “toản yếu” bộ *Dịch kinh* nói riêng và các bộ kinh khác nói chung. *Toản yếu* và *tiết yếu* kinh điển tại Việt Nam thế kỷ XVIII, theo chúng tôi, là những đại diện tiêu biểu cho sự *tiếp nhận kinh điển mang tính lựa chọn* của Nho gia Việt Nam thế kỷ XVIII: không loại trừ cái mới nhưng cái mới phải nằm trong chính thống. Nguyễn Huy Oánh và Bùi Huy Bích,

trong biên soạn *Toản yếu* và *Tiết yếu* đều cho thấy sự tiếp thu “thực học” Minh Thanh, nhưng họ chỉ tiếp thu phương pháp khảo cứu kinh điển mà không tiếp thu tôn chỉ chống Trình Chu của các nhà Nho “thực học”. Những thành tựu của “thực học” Minh Thanh, ngược lại, được những Nho gia Việt Nam lựa chọn để phục vụ cho việc bổ sung thêm tư tưởng Trình Chu. Chúng tôi không cho rằng việc *toản yếu, tiết yếu* là một hoạt động “giản hoá” hay “rút gọn” kinh điển Nho học như nhà nghiên cứu Trung Quốc Đới Khả Lai 戴可来 đã nhận xét khi bàn về đặc điểm tiếp nhận của văn hóa Việt Nam<sup>17</sup>.

Tựu trung, đóng góp của *Dịch kinh toàn yếu đại toàn* trong việc tiếp nhận *Dịch học* nói riêng và tiếp nhận kinh điển Nho học ở Việt Nam thời Trung đại nói chung, theo chúng tôi, thể hiện trên 3 phương diện sau:

Thứ nhất, làm phong phú thêm việc tiếp nhận, truyền bá và luận giải kinh điển Nho học ở Việt Nam. Chúng ta đều biết rằng, kinh điển Nho gia (cụ thể ở đây là *Tứ thư, Ngũ kinh*) được truyền vào Việt Nam từ rất sớm. Quá trình tiếp nhận và luận giải về kinh điển Nho gia ở Việt Nam có xu hướng phát triển gắn liền với sự thịnh suy của chế độ giáo dục khoa cử Nho học. Lịch sử chế độ giáo dục khoa cử Nho học Việt Nam đã chứng minh điều đó, kể từ thời Lê sơ - Mạc - Lê Trung hưng - Tây Sơn và triều Nguyễn, kinh điển Nho gia thu hút ngày càng nhiều nhà Nho Việt Nam quan tâm luận giải. Theo thống kê trong bài viết của Trịnh Khắc Mạnh, hiện có 122 đầu sách được lưu trữ tại Viện Nghiên cứu Hán Nôm có nội

dung thảo luận, giải thích *Tứ thư* và *Ngũ kinh*<sup>18</sup>, trong đó về *Ngũ kinh* nói chung có 7 đầu sách, riêng về *Kinh Dịch* có 19 đầu sách<sup>19</sup>. Việc thực hiện toàn yếu *Dịch kinh toàn yếu đại toàn* cũng như *Ngũ kinh toàn yếu đại toàn* (và bao gồm cả *Tính lý đại toàn, Tứ thư đại toàn* (đã thất truyền)) của Nguyễn Huy Oánh tuy với mục đích ban đầu là nhằm phục vụ cho hoạt động dạy học và là nguồn tài liệu tham khảo cần thiết cho học trò tại Trường học Phúc Giang, song công trình này ít nhiều đã góp phần làm phong phú thêm tư liệu và quan điểm tiếp nhận, truyền bá và luận giải kinh điển Nho học ở Việt Nam thời Trung đại.

Thứ hai, củng cố luận cứ cho quan điểm truyền bá, tiếp nhận và thảo luận về kinh điển Nho gia ở Việt Nam gắn rất chặt với giáo dục và khoa cử. Theo các nhà Nho Việt Nam, ở Trung Quốc cũng như ở Việt Nam, *Tứ thư* và *Ngũ kinh* được coi như là bộ sách giáo khoa cho chế độ giáo dục thi cử thời kỳ phong kiến. Lê Quý Đôn cho biết ở Trung Quốc: “Từ thời nhà Tống, các nhà Nho đời trước đề cao sách *Trung dung, Đại học* cùng *Luận ngữ, Mạnh Tử* làm thành bộ *Tứ thư* riêng. Nhà Minh quy định lại học chế, lấy *Tứ thư (Đại học, Trung dung, Luận ngữ, Mạnh Tử)* và *Ngũ kinh (Dịch, Thi, Thư, Lễ, Xuân thu)* cho cùng giảng dạy. Ở Việt Nam, cũng theo Lê Quý Đôn thì: “Khoảng niên hiệu Hồng Đức, hàng năm ban phát sách công cho các phủ, như *Tứ thư, Ngũ kinh*... học quan do đây mà giảng dạy, khoa cử do đây mà lấy nhân tài; từ lúc Trung hưng về sau, quan trường ra đầu bài chỉ lấy trong *Tứ thư* và *Ngũ kinh*”<sup>20</sup>. Nhìn

từ phương thức biên soạn, để phục vụ mục đích khoa cử, *Toản yếu* giữ nguyên phương thức *giảng chương* và *thích nghĩa* từ nguyên bản *Đại toàn*. Trong lời tựa *Ngũ kinh toản yếu đại toàn*, Nguyễn Huy Oánh nói rõ cách thức biên soạn bộ kinh điển của bản thân là “đại thể thường nêu cốt yếu, bỏ phồn tạp”. Như vậy, *Toản yếu* giữ nguyên vẹn chính thể chính văn kinh điển, chỉ tinh lọc tập chú, tiểu chú. Câu chữ trong tiểu chú cũng được Nguyễn Huy Oánh tinh lọc, chỉ giữ lại những câu giải thích cái khái niệm trực tiếp, sáng rõ cụ thể. *Toản yếu* vừa đáp ứng mục đích học kinh điển phải nắm được trọn vẹn ý chỉ của tiên Nho, nắm vững được toàn văn kinh điển, đồng thời vừa cung cấp cho người sử dụng một hệ thống tiểu chú thích đáng, ngắn gọn mà thực dụng. Tiểu chú ngắn gọn súc tích, cô đọng, nhiều chỗ trong tiểu chú còn không nói rõ là tiểu chú của nhà nào, có thể là phương thức chống lại những sĩ tử lười biếng, chăm chăm học thuộc lòng văn tiểu chú để chép vào bài thi. Nhà nước chủ trương thống nhất cái học Nho gia theo Trình - Chu, chuyên chú và tinh tuý kinh điển, loại bớt tiểu chú chur tử có thể là một trong những lý do cho sự xuất hiện hàng loạt các kinh điển Nho học được biên soạn với phương thức *toát yếu, toản yếu, tiết yếu* tại Việt Nam thế kỷ XVIII.

Thứ ba, là sách tham khảo quan trọng cho hệ thống *tiết yếu* của Bùi Huy Bích: Theo suy luận của tác giả Quách Thu Hiền, bộ sách *Tiết yếu* của Bùi Huy Bích được hình thành dựa trên ít nhất hai hệ văn bản: (1) Bản in *Ngũ kinh đại toàn Nam bản* (hệ ván khắc năm 1731) do các

nhà Nho Việt Nam hiệu duyệt; (2) Bộ *Toản yếu* do Nguyễn Huy Oánh biên soạn. Về mối quan hệ giữa bộ *Toản yếu* và *Tiết yếu*, không thể không nhắc đến thời gian Bùi Huy Bích nhậm chức Đốc đồng ở Nghệ An năm 1777 và mối quan hệ giao hảo của ông với Nguyễn Huy Quýnh (1734-1786), em ruột của Nguyễn Huy Oánh. Thêm vào đó, mối quan hệ giữa Nguyễn Huy Oánh - Phạm Quý Thích - Bùi Huy Bích cũng là một trong những căn cứ để chúng tôi cho rằng Bùi Huy Bích đã có sự tiếp xúc với bộ sách *Toản yếu* của dòng họ Nguyễn Huy. Phạm Quý Thích là học trò của Nguyễn Huy Oánh, đồng thời qua mô tả của Nguyễn Văn Siêu, ông cũng là người bạn tâm giao sâu sắc của Bùi Huy Bích. Từ mạng lưới trí thức này, chúng tôi đưa ra giả thiết: Có thể Bùi Huy Bích đã tiếp xúc với bộ *Toản yếu* trong thời gian ông ở Nghệ An, hoặc tiếp xúc với bộ sách trên thông qua những người thân của Nguyễn Huy Oánh.

### **3. Kết luận**

*Dịch kinh toản yếu đại toàn* (và bao gồm cả *Ngũ kinh toản yếu đại toàn*) của Thám hoa Nguyễn Huy Oánh được thực hiện đã góp phần giúp cho nhiều sĩ tử ở thế kỷ XVIII-XIX có điều kiện tiếp cận với những ý kiến luận giải về kinh điển Nho học, cũng như thao tác, phương pháp và mục đích luận giải kinh điển Nho học của lịch đại học giả Trung Quốc thời trung đại. Với yêu cầu phải nắm được những gì được xem là tinh tuý (hay “tinh thuần”) trong trong truyền thống “học” của Nho gia Việt Nam thế kỷ XVIII, các sách “toản yếu đại toàn” của các soạn giả họ Nguyễn Huy đã có những đóng góp

quan trọng cho truyền thống tiếp nhận và luận giải kinh điển Nho học tại Việt Nam. Đầu thế, hạn chế của của *Dịch kinh toán yếu đại toàn* (và bao gồm cả *Ngũ kinh toán yếu đại toàn*) cũng là điều không thể không nhắc đến. Với việc “toán yếu” rút tĩa đến mức giản tiện nhất, tinh thuần nhất để nhằm chất lọc lấy những điểm cốt yếu nhất đã khiến cho *Dịch kinh toán yếu đại toàn* trở nên khó hiểu, thiếu tính thông nhất. Có lẽ vì thế mà nhà thư tịch học Phan Huy Chú 潘輝注 (1782-1840) trong *Lịch triều hiến chương loại chí 歷朝憲章類誌* đã phê phán: “*Tính lý Toán yếu 2 quyển, Tứ thư Ngũ kinh Toán yếu, 15 quyển, do Thám hoa Nguyễn Huy Oánh biên soạn. Vay mượn bản riêng của các danh gia, ghi chép chất lọc các điều cốt yếu. Nhưng tựu trung cắt gọt, thay đổi rất nhiều thành ra xuyên tạc*”<sup>21</sup>. Đầu vậy, theo chúng tôi, xét từ sự phát triển của Nho học Việt Nam, một biểu hiện quan trọng của việc người đương thời tiếp nhận các điển tịch liên quan là việc rút gọn và biên soạn lại chúng để phù hợp với nhu cầu giáo dục và khoa cử. Đó cũng chính là đặc điểm của Việt Nam trong việc tiếp nhận kinh điển Nho học nói riêng và tiếp nhận văn hoá Trung Quốc nói chung chủ yếu là đơn giản hóa và thực dụng hóa để thích nghi với điều kiện quốc gia của Việt Nam mà thôi./

### H.N.C

#### Chú thích và tài liệu tham khảo

1. *Kinh Dịch*, Lê Văn Quán giới thiệu và dịch chú. In trong *Ngũ văn Hán Nôm* (2004), tập 2, *Ngũ kinh*, NXB. Khoa học xã hội, Hà Nội, tr.505.

2. Hiện nay, xã Kim Song Trường thuộc Huyện Can Lộc đã được đổi tên thành xã Trường Lưu kể từ ngày 1/7/2025. Trụ sở mới

của xã Trường Lưu sẽ được đặt tại thôn Đông Vĩnh, xã Trường Lưu, tỉnh Hà Tĩnh.

3. Do dung lượng hạn chế của bài viết, ở đây chúng tôi chỉ giới thiệu khái quát về tình hình chung của bộ ván in *Dịch kinh toán yếu đại toàn*, còn các vấn đề chi tiết về tình trạng văn bản của từng ván khắc in chúng tôi xin phép lược bỏ.

4. Chúng tôi sử dụng bản *Chu Dịch truyện nghĩa đại toàn*, bản ảnh ấn *Văn Uyên các Tử khó toàn thư 文淵閣四庫全書* do Thương Vụ ấn thư quán Đài Loan phát hành năm Dân quốc thứ 75 (1986). Các tác phẩm sau cũng đều theo bản ảnh ấn này.

5. Cho đến nay, trong bộ *Ngũ kinh toán yếu đại toàn*, dưới sự chủ trì của Nguyễn Huy Mỹ (hậu duệ đời thứ 16 dòng họ Nguyễn Huy), chúng tôi đã tiến hành dịch chú và xuất bản được 3 bộ *Ba kinh toán yếu đại toàn* (2022), *Dịch kinh toán yếu đại toàn* (2024) và *Thư kinh toán yếu đại toàn* (đang in, sẽ ra sách trong quý 4 năm 2025).

6. Nguyên văn: 我越永慶年間仍取原本刊刻，頒布天下。第卷秩浩繁，有博無約，務該洽者因之而求義理，固有餘志；青紫者讀之而應科舉則太茫。儘早歲從師蓋嘗舉要刪煩，專”為趨時捷徑，以待發問，鈎改校正十年而成，雖曰管窺蠡測若不足以盡義理之精微，然於子弟門生，私淑之以進身者甚衆，其有補於下學者良不少矣。/ *Ngũ Việt Vĩnh Khánh niên gian, nhưng thủ nguyên bản khan khắc, ban bố thiên hạ. Đệ quyển trật hạo phồn, hữu bác vô ước, vụ cai hiệp giả nhân chi nhi cầu nghĩa lý, cố hữu dư chí; thanh tử giả độc chi nhi ứng khoa cử tặc thái mang. Thao tảo tuế tông sư, cái thường cử yếu san phiên, chuyên vi xu thời tiếp kính, dĩ dĩ phát vấn, câu cải hiệu chính thập niên nhi thành. Tuy viết quản khuy lữ trắc, nhược bất túc dĩ tận nghĩa lý chi tinh vi, nhiên ư tử đệ môn sinh, tư thực chi dĩ tiến thân giả thậm chúng, kỳ hữu bổ ư hạ học giả lương bất thiếu hĩ.* Bản dịch của chúng tôi có tham khảo của

TS. Phạm Văn Ánh và TS. Bùi Bá Quân. Xem thêm: *Tạp chí Khoa học Xã hội và Nhân văn*, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐHQGHN, số 6 năm 2024. Nhân đây, chúng tôi xin được gửi lời cảm ơn nhị vị Tiến sĩ.

7. 黃俊傑, 《東亞儒學史的新視野》, 國立臺灣大學出版中心, 2004, 第 40 頁. Dẫn theo: Quách Thu Hiền (2016), “*Toàn yếu*”, “*Tiết yếu*” kinh điển và đặc trưng thuyên thích học Nho gia Việt Nam trong giáo dục tư học thế kỷ XVIII, tr. 5.

8. Quách Thu Hiền, *bđd*, tr.9.

9. *Đại Việt sử ký tục biên (1676-1789)*, Ngô Thế Long, Nguyễn Kim Hưng (dịch và khảo chứng), NXB. Khoa học xã hội, 1991, tr.65.

10. Nguyễn văn: “中興以後, 文體卑弱... 其出而應世者, 該洽以而譚陋者多... 及據要津, 司功令, 輒用己見, 務勝前人. 其講學課士於經傳大意, 古今治亂得失之原, 多不致意, 專向後儒詳論諸家箋註及史籍中之險題, 僻句抉摘見工. 當辰隨功名之士, 希旨向風, 掇拾先儒殘吻, 習為後世枝葉文章。” / *Trung Hưng dĩ hậu, văn thể ti nhược... kỳ xuất nhi ứng thế giả, cai hiệp dĩ nhi tiền lậu giả đa... Cập cứ yếu tân, tư công lệnh, triếp dụng kỳ kiến, vụ thắng tiền nhân. Kỳ giảng học khóa sĩ ư kinh truyện đại ý, cổ kim trị loạn đắc thất chi nguyên, đa bất chí ý, chuyên hướng hậu nho tường luận chư gia thêm chú cập sử tịch trung chi hiểm đề, tích cú quyết trích kiến công. Đương thời tùy công danh chi sĩ, hy chỉ hướng phong, xuyết thập tiên nho tàn văn, tập vi hậu thể chi diệp văn chương.* Theo: Phạm Đình Hồ, *Vũ trung tùy bút* 雨中隨筆, ký hiệu HNv.224, Thư viện KHXH, bản số hoá lưu tại Phòng Suru tầm và Nghiên cứu Hán Nôm, Khoa Văn học, Trường ĐHKHXH&NV, ĐHQG-HCM, tr.208, 210-211.

11. Tham khảo Nguyễn Kim Sơn, “Vận động cải cách văn thể, tâm thái sĩ phu và động hình của văn chương Việt Nam cuối thế kỷ XVII, thế kỷ XVIII”, in trong *Nghiên cứu văn*

*học Việt Nam những khả năng và thách thức*, NXB. Thế giới, 2009.

12. *Đại Việt sử ký tục biên*, tr.120.

13. Nguyễn văn: “府僚議以文章之祖出於聖賢書籍。邇來記誦之學讀經者蒐尋小註而多闕正文。讀史者涉獵外編而卻遺綱目。學術疏鹵。宜加釐正以變士習。乃申飭諸學生悉熟經文餘如集註小註擇其粹者讀之至《左氏》《通鑑》《綱目》要宜精熟俾學者知所向方, 然習俗已久終不能改。” / *Phủ liêu nghị dĩ văn chương chi tổ xuất ư thánh hiền thư tịch. Nhĩ lai kỳ tụng chi học, độc kinh giả suru tầm tiểu chú nhi đa khuyết chính văn. Độc sử giả thiệp liệp ngoại biên nhi khước di cương mục. Học thuật sơ lỗ, nghị gia li chính dĩ biến sĩ tập. Nãi thân xích chư học sinh, tất thực kinh văn, dư như tập chú, tiểu chú, trạch kỳ túy giả độc chi. Chí Tả thị, Thông giám, Cương mục, yếu nghị tinh thực, tỉ học giả tri sở hướng phương. Nhiên, tập tục dĩ cựu, chung bất năng cải.* Tham khảo: *Khâm định Việt sử Thông giám Cương mục* 欽定越史通鑑綱目, kí hiệu A.1/1-9, VNCHN, quyển 37, tr.112-113.

14. Quốc sử quán triều Nguyễn (2006), *Đại Nam nhất thống chí* 大南一統志, bản dịch, tập 2, NXB. Thuận Hoá, Huế, tr.237.

15. Nguyễn Kim Sơn, “Lược quan về ảnh hưởng của kinh điển Nho gia tại Việt Nam thế kỉ X - đầu thế kỉ XX”, in trong: *Kinh điển Nho gia tại Việt Nam (The Confucian canon in VietNam)*, Nguyễn Kim Sơn chủ biên, NXB. Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội, tr.17.

16. 马达 (2010), “略论越南儒学的特色及其影响”, 河南教育学院学报 (社科版).

17. Quách Thị Thu Hiền (2018), “*Toàn yếu*, *Tiết yếu* kinh điển và đặc trưng thuyên thích học Nho gia Việt Nam trong giáo dục Tư học thế kỷ XVIII”, In trong: Nguyễn Kim Sơn chủ biên, *Nghiên cứu Nho giáo Việt Nam: Quan điểm và phương pháp*, NXB. ĐHQG, Hà Nội, tr. 99-136.

18. Trịnh Khắc Mạnh (2005), “Thư tịch Hán Nôm có liên quan tới Tứ thư Ngũ kinh hiện lưu giữ tại Viện Nghiên cứu Hán Nôm”, *Tạp chí Hán Nôm*, số 01 (68)/2005. Bản điện tử: <http://www.hannom.org.vn/web/tchn/data/0501.htm>.
19. Trong danh mục thông kê nêu trên của Trịnh Khắc Mạnh không có tên bộ *Ngũ kinh toàn yếu đại toàn* (trong đó có *Dịch kinh toàn yếu đại toàn*) của Nguyễn Huy Oánh.
20. Dẫn theo: Trịnh Khắc Mạnh (2005), *bđđ*.
21. Phan Huy Chú (2007), *Lịch triều hiến chương loại chí*, bản dịch, tập 2, Quyển XLII (*Văn tịch chí* (I), NXB. Giáo dục, Hà Nội, tr.404.
22. Ngô Thế Long, Nguyễn Kim Hưng dịch và khảo chứng (1991), *Đại Việt sử ký tục biên (1676-1789)*, NXB. Khoa học xã hội, Hà Nội.
23. Nguyễn Huy Mỹ chủ biên, Hoàng Ngọc Cương dịch (2025), *Tổng tập di sản văn hóa Trường Lưu - Tập 3: Di sản tư liệu Mộc bản trường học Phúc Giang - Dịch kinh toàn yếu đại toàn*, NXB. Đại học Vinh, Nghệ An.
24. Nguyễn Kim Sơn chủ biên (2020), *Kinh điển Nho gia tại Việt Nam (The Confucian canon in Viet Nam)*, NXB. Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
25. Quốc sử quán triều Nguyễn (1881), *Khâm định Việt sử Thông giám Cương mục* 欽定越史通鑑綱目, kí hiệu A.1/1/-9, Viện Nghiên cứu Hán Nôm.
26. *Văn Uyên các Tứ khố toàn thư* (文淵閣四庫全書) do Thương Vụ ấn thư quán Đài Loan phát hành năm Dân quốc thứ 75. Bản điện tử truy cập tại: <http://www.cckf.org/zh/sino/00123>.
27. *Ngữ văn Hán Nôm* (2004), tập 2 - *Ngũ kinh*, NXB. Khoa học xã hội, Hà Nội.
28. Nhiều tác giả (2009), *Nghiên cứu văn học Việt Nam những khả năng và thách thức*, NXB. Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
29. Phạm Văn Ánh (2015), “Lược khảo về các bản ván gỗ hiện lưu tại gia tộc họ Nguyễn Huy - Trường Lưu”, *Kỷ yếu hội thảo Nghiên cứu, bảo tồn mộc bản Trường Lưu*, Hà Tĩnh.
30. Nguyễn Phúc Anh (2012), “Từ việc khảo sát các hệ bản *Tứ thư Ngũ kinh đại toàn* ở Việt Nam bàn về vị trí của hệ thống Đại toàn trong khoa cử truyền thống”, *Tạp chí Hán Nôm*, số 1 (110), tr.27-45.
31. Quách Thị Thu Hiền (2018), “Toàn yếu, Tiết yếu kinh điển và đặc trưng thuyên thích học Nho gia Việt Nam trong giáo dục Tư học thế kỷ XVIII”. In trong *Nghiên cứu Nho giáo Việt Nam: Quan điểm và phương pháp*, Nguyễn Kim Sơn chủ biên, NXB. Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội, tr. 99-136.
32. Quốc sử quán triều Nguyễn (2006), *Đại Nam nhất thống chí*, bản dịch, tập 2, NXB. Thuận Hoá, Huế.
33. Trần Nghĩa chủ biên (2009), *Tổng tập tiểu thuyết chữ Hán Việt Nam*, tập II, NXB. Thế giới, Hà Nội.
34. 阮金山 (2017), “從起始到二十世紀初：越南接受儒教的幾個特點 / The Reception of Confucianism in Vietnam: From Early Times to the early of 20th Century”, 《臺灣東亞文明研究學刊》，第 14 卷第 2 期（總第 28 期），頁 171-187. DOI:10.6163/tjeas.2017/12\_14(1).0005.
35. 马达 (2010), “略论越南儒学的特色及其影响”, 《河南教育学院学报》(社科版), 01 期/2010.
36. Mộc bản bộ *Dịch kinh toàn yếu đại toàn*, lưu trữ tại Nhà thờ dòng họ Nguyễn Huy, xã Trường Lưu, tỉnh Hà Tĩnh. Bản số hoá là tư liệu cá nhân của người viết.
37. 王皓 (2019), “越南《四書五經性理大全節要》及其與科舉的關係”, 《域外漢籍研究集刊》，第十八輯，頁 331-348.